

Biểu số: 28aM/BTP/BTTP/ĐGTS

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Năm)

Đơn vị báo cáo:

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản/Doanh nghiệp đấu giá tài sản...

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Kỳ báo cáo: năm chính thức

(Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Tổng số đấu giá viên (Người)	Số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký (Hợp đồng)	Số cuộc đấu giá đã thực hiện (Cuộc)				Giá của tài sản đấu giá (Đồng)						Tổng số tiền thù lao dịch vụ đấu giá thu được (Đồng)	Số tiền nộp ngân sách/thuế (Đồng)	
		Tổng số	Trong đó: Số cuộc đấu giá thành			Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá			Tổng giá bán của tài sản đấu giá					
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
				Tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất	Tài sản đấu giá khác		Tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất	Tài sản đấu giá khác		Tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất	Tài sản đấu giá khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

...., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 28bM/BTP/BTTP/DGTS

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (ĐGTS) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Năm)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp tỉnh.....

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3
năm sau

Kỳ báo cáo: năm chính thức
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài
chính)

	Tổng số đấu giá viên (Người)	Số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký (Hợp đồng)	Số cuộc đấu giá đã thực hiện (Cuộc)				Giá của tài sản đấu giá (Đồng)						Tổng số tiền thù lao dịch vụ đấu giá thu được (Đồng)	Số tiền nộp ngân sách/thuế (Đồng)
			Trong đó: Số cuộc đấu giá thành			Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá			Tổng giá bán của tài sản đấu giá					
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
				Tổng số	Tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất		Tài sản đấu giá khác	Tổng số		Tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất	Tài sản đấu giá khác			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng số														
I. Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh/thành phố...														
II. Doanh nghiệp ĐGTS														
I. Doanh nghiệp ĐGTS...														
...														

- Số liệu trong báo cáo này được tổng hợp từ báo cáo của/..... tổ chức đấu giá tài sản đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 28aM/BTP/BTTP/ĐGTS, 28bM/BTP/BTTP/ĐGTS (Tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản)

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Biểu 28aM/BTP/BTTP/ĐGTS phản ánh số liệu về tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản của tổ chức đấu giá tài sản trong kỳ báo cáo (năm) được sử dụng cho các đơn vị báo cáo gồm: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh/thành phố, doanh nghiệp đấu giá tài sản và Biểu này được gửi về Sở Tư pháp.

- Biểu 28bM/BTP/BTTP/ĐGTS phản ánh số liệu về tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài trên địa bàn tỉnh/thành phố trong kỳ báo cáo (năm) được sử dụng cho đơn vị báo cáo là Sở Tư pháp và Biểu này được gửi về Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính).

- Địa bàn tỉnh được hiểu là địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

- Tổ chức đấu giá tài sản bao gồm: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh/thành phố và Doanh nghiệp đấu giá tài sản.

+ Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản là đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

+ Doanh nghiệp đấu giá tài sản là doanh nghiệp tư nhân, công ty đấu giá hợp danh và các doanh nghiệp đấu giá chưa được chuyển đổi theo quy định của Luật đấu giá tài sản.

- Đấu giá viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật đấu giá tài sản và đã được Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên.

- Số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký là số hợp đồng mà tổ chức đấu giá tài sản đã ký kết với người có tài sản đấu giá.

- Số cuộc đấu giá đã thực hiện là số cuộc đấu giá đã thực hiện đầy đủ quy trình đấu giá (bắt đầu từ thời điểm thông báo đấu giá đến khi tổ chức cuộc đấu giá trên thực tế). Một hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có thể phải tổ chức nhiều cuộc đấu giá.

- Số cuộc đấu giá thành là số cuộc đấu giá có người mua được tài sản bán đấu giá.

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá là giá ban đầu thấp nhất của tài sản đấu giá trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên hoặc giá ban đầu cao nhất của tài sản đấu giá trong trường hợp đấu giá theo phương thức đặt giá xuống.

- Giá bán của tài sản đấu giá là giá cuối cùng của người mua trúng đấu giá.
- Tổng số tiền nộp ngân sách/thuế là tổng số tiền mà Trung tâm đấu giá tài sản nộp ngân sách (không bao gồm tiền bán tài sản đấu giá) và Doanh nghiệp đấu giá tài sản nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Là tổng số đấu giá viên đang hành nghề tại tổ chức đấu giá tài sản.
- Cột 3: Là tổng số cuộc đấu giá mà tổ chức đấu giá tài sản đã thực hiện.
- Cột 4: Là tổng số cuộc đấu giá thành. Số liệu tại cột 4 là một phần số liệu của cột 3.
- Cột 4 = Cột 5 + Cột 6
- Cột 7 = Cột 8 + Cột 9
- Cột 10 = Cột 11 + Cột 12

* Riêng Biểu 28bM/BTP/BTTP/ĐGTS: Sau khi rà soát, kiểm tra tính chính xác của số liệu, Sở Tư pháp tổng hợp chi tiết số liệu báo cáo của Trung tâm đấu giá tài sản và từng Doanh nghiệp đấu giá tài sản vào các dòng tại các mục tương ứng và cộng dòng tổng từng mục, gồm: mục I (Trung tâm đấu giá tài sản tỉnh/thành phố...) và mục II (Doanh nghiệp đấu giá tài sản), Dòng Tổng số = mục I + mục II; đồng thời ghi chú về số liệu quản lý của Sở Tư pháp theo hướng dẫn trong biểu mẫu.

3. Nguồn số liệu

- Biểu 28aM/BTP/BTTP/ĐGTS: Từ hồ sơ, sổ sách ghi chép của tổ chức đấu giá tài sản.
- Biểu 28bM/BTP/BTTP/ĐGTS: Tổng hợp từ biểu mẫu 28a/BTP/BTTP/ĐGTS và từ các hồ sơ, tài liệu khác theo dõi công tác đấu giá tài sản tại Sở Tư pháp.

2.2	Tham gia tổ tụng																		
2.3	Đại diện ngoài tổ tụng																		
3	Pháp luật hành chính																		
3.1	Tư vấn																		
3.2	Tham gia tổ tụng																		
3.3	Đại diện ngoài tổ tụng																		
4	Các lĩnh vực pháp luật khác																		
4.1	Tư vấn																		
4.2	Tham gia tổ tụng																		
4.3	Đại diện ngoài tổ tụng																		
II	Phân theo hình thức TGPL																		
1	Tư vấn (1.1+2.1+3.1+4.1)																		
2	Tham gia tổ tụng (1.2+2.2+3.2+4.2)																		
3	Đại diện ngoài tổ tụng (2.3+3.3+4.3)																		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 24M/BTP/TGPL

Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý

1. Khái niệm, phương pháp tính

* Biểu số 24M/BTP/TGPL để thu thập thông tin về số lượt người được trợ giúp pháp lý.

Số lượt người được trợ giúp pháp lý là số lần người được trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

* *Giải thích khái niệm:* Người được trợ giúp pháp lý là người thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người có công với cách mạng;
- Người thuộc hộ nghèo;
- Trẻ em;
- Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;

- Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;

- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:

- + Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sỹ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sỹ còn nhỏ;

- + Người nhiễm chất độc da cam;

- + Người cao tuổi;

- + Người khuyết tật;

- + Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;

- + Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;

- + Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;

- + Người nhiễm HIV.

* Hình thức đại diện ngoài tổ tụng tại các tiêu mục 2.3, 3.3, 4.3 phần I cột A và mục 3 phần II cột A: là việc Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư thực hiện đại diện ngoài tổ tụng cho người được trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý khi họ không thể tự bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật Trợ giúp pháp lý.

* Các lĩnh vực pháp luật theo quy định tại các Mục 1, 2, 3, 4 phần I cột A, gồm:

- Pháp luật hình sự bao gồm: pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự;

- Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình bao gồm: pháp luật dân sự, tố tụng dân sự, thi hành án dân sự; pháp luật hôn nhân gia đình;

- Pháp luật hành chính bao gồm: pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo, tố tụng hành chính;

- Các lĩnh vực pháp luật khác bao gồm: các lĩnh vực pháp luật không thuộc ba lĩnh vực pháp luật nêu trên và không thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại như: pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác, các lĩnh vực pháp luật liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo...

Lưu ý: Để việc thống kê bảo đảm tính chính xác, đối với các lĩnh vực pháp luật cụ thể như: pháp luật đất đai, nhà ở; pháp luật lao động, việc làm; pháp luật về trẻ em..., đề nghị các đơn vị thống kê căn cứ vào yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý và bản chất của vụ việc trợ giúp pháp lý để thống kê vào (01) một trong (04) bốn nhóm lĩnh vực pháp luật nêu trên. Ví dụ: vụ việc liên quan đến pháp luật đất đai có thể thuộc 1 trong 3 lĩnh vực pháp luật (hành chính, dân sự, hình sự) tùy vào nội dung và bản chất vụ việc.

** Phương pháp tính*

- Thống kê số lượt người đã được trợ giúp pháp lý (tương ứng với số vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc trong kỳ báo cáo).

- Trong một kỳ báo cáo, một người được trợ giúp pháp lý trong 01 vụ việc thì tính là 01 lượt người, trong 02 vụ việc thì được tính là 02 lượt người.

- Trong một kỳ báo cáo, nếu một người được trợ giúp pháp lý 02 lần trở lên trong 01 vụ việc thì chỉ tính là 01 lượt người được trợ giúp pháp lý.

- Nếu một người thuộc nhiều đối tượng trợ giúp pháp lý khác nhau thì chỉ thống kê theo 01 đối tượng mà người được trợ giúp pháp lý có đầy đủ giấy tờ chứng minh và cung cấp đầu tiên để lưu trong hồ sơ.

Riêng trường hợp người được trợ giúp pháp lý vừa là người thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số thì thống kê vào cột “vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số” và không thống kê vào cột “người thuộc hộ nghèo” hoặc cột “người dân tộc thiểu số”.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số lượt người đã được trợ giúp pháp lý trong kỳ báo cáo (Cột 1 Biểu số 24/BTP/TGPL = Cột 2 Biểu số 25/BTP/TGPL).

- Tổng số lượt người chia theo cột dọc và cột ngang phải luôn luôn bằng nhau.

Cột 1 = Cột (2+3) = Cột (4+5+6+7+8+9+10+11+12+13+14+15+16+17+18)

= mục (1+2+3+4) phần I cột A = mục (1+2+3) phần II cột A

Mục 1 phần I cột A (Pháp luật hình sự) = tiểu mục (1.1 + 1.2) phần I cột A

Mục 2 phần I cột A (Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình) = tiểu mục (2.1 + 2.2 + 2.3) phần I cột A

Mục 3 phần I cột A (Pháp luật hành chính) = tiểu mục (3.1 + 3.2 + 3.3) phần I cột A

Mục 4 phần I cột A (Các lĩnh vực pháp luật khác) = tiểu mục (4.1 + 4.2 + 4.3) phần I cột A

3. Nguồn số liệu

- Đối với đơn vị báo cáo là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố thì nguồn số liệu được lấy từ sổ theo dõi, thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý của Chi nhánh và Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

- Đối với đơn vị báo cáo là Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thì nguồn số liệu được lấy từ sổ theo dõi, thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý của các Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý;

- Đối với đơn vị báo cáo là Sở Tư pháp thì nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố và tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

Biểu số: 25M/BTP/TGPL

Ban hành theo Thông tư số .../201.../TT-BTP ngày .../.../201...

Ngày nhận báo cáo (BC):**Sở Tư pháp nhận:**

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính) nhận:

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 03 năm sau

SỐ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)

(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo: năm chính thức(Từ ngày ... tháng ... năm
đến ngày ... tháng ... năm**Đơn vị báo cáo:**-Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố/Tổ chức ký
hợp đồng thực hiện TGPL/Tổ chức đăng ký tham gia
TGPL.

-Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:- Sở Tư pháp nhận báo cáo của Trung tâm TGPL nhà
nước tỉnh/thành phố, Tổ chức ký hợp đồng thực hiện
TGPL, Tổ chức đăng ký tham gia TGPL.- Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo
của Sở Tư pháp*Đơn vị tính: vụ việc*

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý và hình thức trợ giúp pháp lý	Tổng số vụ việc thực hiện trong kỳ báo cáo			Số vụ việc kết thúc trong kỳ báo cáo									
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Trợ giúp viên pháp lý	Phân theo người thực hiện TGPL			Tổng số	Tư vấn viên PL		Cộng tác viên TGPL	
		Kỳ trước chuyên qua	Thụ lý trong kỳ			Luật sư				Chia ra			
						Theo Hợp đồng của Trung tâm	Theo phân công của Tổ chức ký HĐ thực hiện TGPL	Theo phân công của Tổ chức đăng ký tham gia TGPL		Theo phân công của Tổ chức ký HĐ thực hiện TGPL	Theo phân công của Tổ chức đăng ký tham gia TGPL		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
A													
Tổng số													
I	Phân theo lĩnh vực TGPL												
1	Pháp luật hình sự												
1.1	Tư vấn												
1.2	Tham gia tố tụng												
-	Trong đó bào chữa												
2	Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình												

2.1	Tư vấn													
2.2	Tham gia tổ tụng													
2.3	Đại diện ngoài tổ tụng													
3	Pháp luật hành chính													
3.1	Tư vấn													
3.2	Tham gia tổ tụng													
3.3	Đại diện ngoài tổ tụng													
4	Các lĩnh vực pháp luật khác													
4.1	Tư vấn													
4.2	Tham gia tổ tụng													
4.3	Đại diện ngoài tổ tụng													
II	Phân theo hình thức TGPL													
1	Tư vấn (1.1+2.1+3.1+4.1)													
2	Tham gia tổ tụng (1.2+2.2+3.2+4.2)													
3	Đại diện ngoài tổ tụng (2.3+3.3+4.3)													

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 25M/BTP/TGPL

Số vụ việc trợ giúp pháp lý

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Số vụ việc trợ giúp pháp lý là số vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý, do người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm:

+ Trợ giúp viên pháp lý;

+ Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

+ Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

+ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

** Phương pháp tính:*

Khi tính là một vụ việc trợ giúp pháp lý, cần chú ý :

- Trong một vụ việc nếu có bao nhiêu người được trợ giúp pháp lý có đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý thì sẽ tính là bấy nhiêu vụ việc trợ giúp pháp lý. Ví dụ: Trong vụ án cố ý gây thương tích có 4 bị cáo, trong đó có 3 bị cáo là người được trợ giúp pháp lý và họ đều có đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý thì sẽ tính là 3 vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hình sự.

- Vụ việc trợ giúp pháp lý được coi là kết thúc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây :

+ Thực hiện xong yêu cầu hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý theo hình thức trợ giúp pháp lý thể hiện trong đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;

+ Thuộc một trong các trường hợp không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Trợ giúp pháp lý;

+ Bị đình chỉ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp một vụ việc có nhiều người thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc vụ việc phải thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý thì vẫn thống kê là 01 vụ việc trợ giúp pháp lý và 01 người thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Cách ghi biểu

- Cột 2- Kỳ trước chuyển qua: Ghi số vụ việc trợ giúp pháp lý thụ lý trong kỳ trước nhưng chưa kết thúc và chuyển sang kỳ này thực hiện tiếp.

- Cột 3- Thụ lý trong kỳ: Ghi số vụ việc được thụ lý trong kỳ báo cáo.

- Cột 4: Ghi tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc trong kỳ báo cáo (bao gồm cả số vụ việc thụ lý từ kỳ trước chuyển qua và số vụ việc được thụ lý trong kỳ này với điều kiện các vụ việc đều kết thúc trong kỳ báo cáo này).

- Tổng số vụ việc chia theo cột ngang và cột dọc phải luôn bằng nhau.

Cột 1 = Cột (2+3)

Cột 4 = Cột (5+6+10+13) = Mục (1+2+3+4) phần I cột A = Mục (1+2+3) phần II cột A

Cột 6 = Cột (7+8+9)

Cột 10 = Cột (11+12)

Mục 1 phần I cột A (Pháp luật hình sự) = tiểu mục (1.1 + 1.2) phần I cột A

Mục 2 phần I cột A (Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình) = tiểu mục (2.1 + 2.2 + 2.3) phần I cột A

Mục 3 phần I cột A (Pháp luật hành chính) = tiểu mục (3.1 + 3.2 + 3.3) phần I cột A

Mục 4 Phần I cột A (Các lĩnh vực pháp luật khác) = tiểu mục (4.1 + 4.2 + 4.3) phần I cột A

* Các lĩnh vực pháp luật theo quy định tại các Mục 1, 2, 3, 4 phần I cột A, gồm:

- Pháp luật hình sự bao gồm: pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự;

- Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình bao gồm: pháp luật dân sự, tố tụng dân sự, thi hành án dân sự; pháp luật hôn nhân gia đình;

- Pháp luật hành chính bao gồm: pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo, tố tụng hành chính;

- Các lĩnh vực pháp luật khác bao gồm: các lĩnh vực pháp luật không thuộc ba lĩnh vực pháp luật nêu trên và không thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại như: pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác, các lĩnh vực pháp luật liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo...

Lưu ý: Để việc thống kê bảo đảm tính chính xác, đối với các lĩnh vực pháp luật cụ thể như: pháp luật đất đai, nhà ở; pháp luật lao động, việc làm; pháp luật

về trẻ em..., đề nghị các đơn vị thống kê căn cứ vào yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý và bản chất của vụ việc trợ giúp pháp lý để thống kê vào (01) một trong (04) bốn nhóm lĩnh vực pháp luật nêu trên. Ví dụ: vụ việc liên quan đến pháp luật đất đai có thể thuộc 1 trong 3 lĩnh vực pháp luật (hành chính, dân sự, hình sự) tùy vào nội dung và bản chất vụ việc.

3. Nguồn số liệu

- Đối với đơn vị báo cáo là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố thì nguồn số liệu được lấy từ sổ theo dõi, thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý của Chi nhánh và Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố;

- Đối với đơn vị báo cáo là Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thì nguồn số liệu được lấy từ sổ theo dõi, thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý của các Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý;

- Đối với đơn vị báo cáo là Sở Tư pháp thì nguồn số liệu được tổng hợp từ báo cáo của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố và Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 26M/BTP/TGPL

Số tổ chức và số người thực hiện trợ giúp pháp lý

1. Khái niệm, phương pháp tính

* Giải thích khái niệm:

- Số lượng người làm việc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước gồm có Giám đốc, Phó Giám đốc, Trợ giúp viên pháp lý, viên chức và người lao động khác.

- Trợ giúp viên pháp lý hạng II và Trợ giúp viên pháp lý hạng III: là người thực hiện trợ giúp pháp lý được phân hạng theo quy định của Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23/6/2016 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý.

- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

- Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

- Cá nhân ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước bao gồm: luật sư và cộng tác viên ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

* Tại cột 10: “Khác” bao gồm các biên chế khác như: cán bộ hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, văn thư...

2. Cách ghi biểu

* Đối với mục I - Số lượng người làm việc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước

- Dòng (Tổng số) Cột A = Dòng 1 Cột A (Nam) + Dòng 2 Cột A (Nữ)

- Cột 1: ghi tổng số biên chế được giao

- Cột 2: ghi tổng số biên chế hiện có tại Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (bao gồm cả biên chế tại Trung tâm và biên chế tại Chi nhánh của Trung tâm).

- Cột 2 = cột (3+6+9+10)

- Cột 3 = cột (4+ 5)

- Cột 6 = cột (7+8)

* Đối với mục II - Số tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý

- Cột 1: ghi tổng số tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý

Cột 1 = Cột (2+3)

- Cột 4: ghi tổng số cá nhân làm việc tại tổ chức

Cột 4 = Cột (5+6)

- Cột 7: ghi tổng số tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý

Cột 7 = Cột (8+9)

- Cột 10: ghi tổng số cá nhân làm việc tại tổ chức

Cột 10 = Cột (11+12)

- Cột 13: ghi tổng số cá nhân ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với

Trung tâm

Cột 13 = Cột (14+15)

3. Nguồn số liệu

- Đối với đơn vị báo cáo là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố thì nguồn số liệu được lấy từ sổ sách ghi chép ban đầu của Chi nhánh và Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh/thành phố;

- Đối với đơn vị báo cáo là Sở Tư pháp thì nguồn số liệu được lấy từ sổ sách ghi chép ban đầu của Sở Tư pháp và tổng hợp từ biểu do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố báo cáo.